

INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION ASSOCIATED WITH SMART URBAN CONSTRUCTION IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Tan Vinh Nam

College of Architecture and Construction Ho Chi Minh City

Email: nguyentanvinhnam@gmail.com

Received: 10/5/2024; Reviewed: 20/5/2024; Revised: 23/5/2024; Accepted: 28/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/308>

Ho Chi Minh City is continuously built with the goal of innovation, developing industrialization and modernization, integrating into the regional and world economy. Having the advantages and great opportunities, the city also has been affected by a number of difficulties and challenges coming from powerful countries in conflict, climate change, the Covid-19 pandemic and the Technology Revolution. 4.0... Therefore, the process of industrialization and modernization in this city needs to be carried out in accordance with long-term prediction, building the smart city with processing urban regeneration, in addition, the People are placed at the centre.

Keywords: *Industrialization and modernization; Smart city; Urban regeneration; The People.*

1. Đặt vấn đề

Đô thị Sài Gòn được hình thành và phát triển trên 300 năm, trong đó với hơn 35 năm Thành phố mang tên Lãnh tụ Hồ Chí Minh, khẳng định sự lớn mạnh, năng động qua những bước thăng trầm của lịch sử xứ Đàng Trong. Những năm cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII là giai đoạn hình thành các thôn làng, phủ huyện mà đỉnh cao là thành Bát Quái và thành Gia Định như là sự khắc họa đậm nét một đô thị non trẻ mà đầy sức sống của người Việt (Ký, 1885). Khi người Pháp xâm lược nước ta, đô thị Sài Gòn là nơi thể nghiệm nền kiến trúc Pháp từ giải pháp quy hoạch đến các công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật cho đời sau mà không ai có thể phủ nhận được. Những yếu tố ấy đã làm nên dấu ấn lịch sử và là phần “hồn” của đô thị Sài Gòn xưa: Thảo cầm viên, Nhà hát, Tòa Đô Sảnh, Bưu điện, Công viên Tao Đàn - Hội trường Thống Nhất, hệ thống quảng trường - phương pháp bố cục không gian đô thị, cầu cảng và một số công trình kiến trúc khác (UBND Thành phố Hồ Chí Minh, 1998). Cho đến Cách mạng tháng 8 năm 1945, Nam Bộ hưởng ứng mạnh mẽ nhất với phong trào Đồng Khởi và trung tâm Sài Gòn là nơi thành lập An Nam cộng sản Đảng, Kỳ Bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội... (Minh, 2011), cùng với những di tích lịch sử khác thời chống Mỹ cứu nước. Đó chính là đặc trưng cấu thành di sản kiến trúc của thành phố năng động, phát triển từ thời Pháp đến giờ và chắc chắn trong tương lai cũng vậy.

2. Tổng quan nghiên cứu

Sau ngày thống nhất đất nước, vị trí và vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) liên tục

được phát triển tích cực hơn, Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành tổng cộng đến bốn Nghị quyết về TP.HCM, đầu tiên là Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 14/9/1982 của Bộ Chính trị (khóa V) về Công tác của TP.HCM khẳng định “... thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau Thủ đô Hà Nội” (Nghị quyết số 01-NQ/TW), kế tiếp là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18/11/2002 (khóa IX) của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TP.HCM đến năm 2010 nhấn mạnh: “Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất nước ta, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu quốc tế, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước...” (Nghị quyết số 20-NQ/TW). Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 2011-2020 do Đại hội XI của Đảng đề ra, TP.HCM tiếp tục nỗ lực phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển thành phố nhanh và bền vững với chất lượng và tốc độ cao; vai trò vị trí của TP.HCM ngày càng được nâng cao, diện mạo thành phố ngày càng mang dáng vẻ đô thị hiện đại. Các nghị quyết trên nói chung đã đề ra mục tiêu đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), chủ động hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ. Thành phố là nơi khởi xướng và tiên phong cả nước các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Nhà tình nghĩa, nhà tình thương”, “phụng

dường Mẹ Việt Nam anh hùng”... mang lại hiệu quả thiết thực, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội rộng lớn, mang tính nhân văn cao, có sức lan tỏa mạnh.

Gần đây nhất, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 đã tổng kết một số thành tựu đạt được của Thành phố (gọi tắt là Nghị quyết số 31). Kết quả này, càng khẳng định vị thế, tầm quan trọng của TP.HCM không những đối với vùng Đông Nam Bộ mà còn đối với cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, cơ hội lớn hơn, Thành phố còn có cả những khó khăn, thách thức gay gắt hơn, có mặt chưa lường hết được.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về CNH, HĐH gắn liền với xây dựng thành phố thông minh ở TP.HCM.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thành tựu và hạn chế công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với xây dựng thành phố thông minh ở Thành phố Hồ Chí Minh

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng dẫn đến sự phát triển kinh tế, dân số, tốc độ đô thị hoá và hệ quả giá nhà ở tăng đến chóng mặt, các công trình riêng lẻ cùng những công trình trọng điểm được xây dựng ồ ạt bên cạnh việc bỏ không một số vị trí “đất vàng” dẫn đến chưa khai thác hết nhu cầu, công năng gây lãng phí rất lớn. Có những con hẻm trên đường Pasteur, Đồng Khởi, Lê Thánh Tôn... chỉ rộng 1m - 1,5m, nhà cửa san sát nhau, nhà hát Thành phố nằm lọt giữa một “thung lũng nhà cao tầng”, các khu nhà trên trục đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ thi xuống cấp và trang trí hết sức lộn xộn. Diện mạo khu trung tâm hiện hữu của TP.HCM hiện chưa thể hiện được đặc trưng quy hoạch và không gian tổ chức riêng của mình để đáp ứng cho viễn cảnh phát triển tương lai thành phố.

Tính vượt trội, sự năng động, sáng tạo, vai trò đầu tàu, động lực, dẫn dắt đối với vùng và cả nước có chiều hướng suy giảm, kinh tế tăng trưởng chậm, năng lực cạnh tranh quốc tế còn thấp. Kết cấu hạ tầng KT-XH phát triển chậm và thiếu đồng bộ; công tác quy hoạch, quản lý đô thị, sử dụng đất đai còn nhiều hạn chế, yếu kém; giao thông quá tải và ùn tắc; triều cường, ngập úng, ô nhiễm môi trường gia tăng; nhà ở, bệnh viện, trường học, hệ thống phúc lợi xã hội chưa đáp ứng nhu cầu của người dân. An ninh phi truyền thống và tội phạm truyền thống ngày càng hiện hữu. Các phong trào thi đua yêu nước của chính quyền hầu hết chưa vận động người dân cùng tham gia, mà chủ yếu là do các tổ chức

chính trị - xã hội thực hiện.

Việc xây dựng đô thị thông minh tại TP.HCM hiện có nhiều thành tựu bước đầu như hệ thống giao thông công cộng vành đai đang được đầu tư và phát triển mạnh mẽ, tiến hành cải tạo xanh hoá một số kênh rạch, phát triển du lịch cùng các ngành nghề kinh doanh thương mại - dịch vụ, cải cách nền hành chính công vụ từ cấp xã, phường, thị trấn cho đến cấp thành phố... Từ năm 2017 đến nay, Đảng bộ và Chính quyền Thành phố đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp trong xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử như: Ban hành một loạt hệ thống hành lang pháp lý về xây dựng đô thị thông minh, chuyên đổi số; sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; xây dựng chính quyền điện tử tiến đến chính quyền số; Kiến trúc chính quyền điện tử; Chiến lược quản trị dữ liệu, xây dựng kho dữ liệu dùng chung; xây dựng đề án kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn; chương trình nghiên cứu trí tuệ nhân tạo; đề án y tế thông minh; xây dựng chương trình cải cách hành chính; triển khai chiến lược an toàn, an ninh mạng...; chỉ đạo thành lập các ban chỉ đạo tại mỗi đề án, nhiệm vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu tích cực, vẫn còn một số hạn chế mang tính chất chiến lược trong xây dựng đô thị thông minh tại thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Thứ nhất, việc xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu chủ yếu tập trung vào dữ liệu dân cư, y tế, bản đồ số hoá... nhưng chưa đồng bộ các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh; việc nghiên cứu cũ chi, hành vi, nguyện vọng của người dân chưa được quan tâm làm đầu bài cho thiết kế đô thị thông minh.

Thứ hai, chúng ta tập trung xây dựng chính quyền điện tử nhưng lại thiếu quan tâm nội dung xây dựng công dân thông minh, điều này liên quan đến việc phải có công cụ tạo điều kiện cho người dân mở rộng và chủ động thực hiện quyền dân chủ, quyền giám sát bộ máy chính quyền của mình nhiều hơn, nhất là đối với các vấn đề kinh tế, văn hoá xã hội, các dự án đầu tư công, nhà ở, phúc lợi xã hội liên quan đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Thứ ba, mục tiêu xây dựng đô thị thông minh tại TP.HCM chưa thể hiện đường lối tiến hoá rõ ràng, mặc dù chúng ta cũng đã phân kỳ từng giai đoạn thực hiện. Đường lối tiến hoá này phải gắn với tám đặc trưng của bản chất Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa (Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) mà ta đang xây dựng.

4.2. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị thông minh

Thuật ngữ công nghiệp hoá, “Industrialization”,

“Modernization” - theo Cambridge Dictionary, là đề cập đến một quá trình phát triển nền công nghiệp trong một quốc gia; trong đó, KT-XH hoặc ngay cả hệ thống chính trị cũng đều dựa trên cơ sở nền công nghiệp này để phát triển. Đồng hành với công nghiệp hoá, thuật ngữ hiện đại hoá chỉ đơn thuần đề cập đến một hành động hoặc một tiến trình làm cho sự vật nào đó trong hiện đại hơn. Bên cạnh đó, Oxford Reference giải thích khá chi tiết hơn, “Industrialization”, công nghiệp hoá, là một quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Quá trình này được thực hiện tại nước Anh trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và cùng thời gian ấy tại Mỹ, công nghiệp hoá bắt đầu diễn ra từ bang New England lan truyền đến các khu vực bờ Đông nước này cho đến kết thúc cuộc chiến tranh nội chiến. Sau năm 1870, Bỉ là quốc gia châu Âu đầu tiên tiến hành công nghiệp hoá, sau đó lan truyền khắp khu vực Đông Bắc nước Pháp cho đến nước Đức, nơi mà sự phát triển của nền công nghiệp diễn ra cực kỳ nhanh chóng, đến năm 1900, các sản phẩm của nền công nghiệp Đức hoàn toàn vượt qua cả nước Anh. Trong những năm 30, các quốc gia công nghiệp hoá đã cho thấy sự phát triển lớn mạnh và bùng nổ các ngành công nghiệp nặng như kim loại và sắt thép, hoá chất, cơ khí, đóng tàu. Ở châu Á, Nhật bản là quốc gia đầu tiên tiến hành công nghiệp hoá và đã hoàn thành quá trình này vào cuối thế kỷ 19. Nền công nghiệp hoá ở Liên bang Soviet thật sự phát triển vượt bậc dưới thời lãnh tụ Stalin.

Tại Việt Nam, tư duy lãnh đạo của Đảng ta về quá trình CNH, HĐH bắt đầu từ năm 1960 cũng có bước phát triển, thay đổi phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế, tình hình thế giới và khu vực. Từ thất bại do mong muốn đốt cháy giai đoạn thực hiện quá trình CNH, HĐH, chú trọng công nghiệp nặng như các nước xã hội chủ nghĩa mà đứng đầu là Liên Xô, giai đoạn 1976-1986, Đảng ta phải chuyển hướng điều chỉnh tập trung cho phát triển nông nghiệp, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp nặng một cách có chọn lọc, kết hợp đi tắt đón đầu một số ngành nghề mũi nhọn. So với cột mốc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986 quyết định thực hiện đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực, 08 năm sau, tại Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa VII của Đảng (tháng 7/1994) đã chính thức đưa ra định nghĩa về CNH, HĐH như sau: “*CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý KT-XH từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến*

bộ khoa học - công nghệ (KH-CN), tạo ra năng suất lao động xã hội cao”. Khái niệm này tập trung vào yếu tố phát triển của công nghiệp và tiến bộ KH-CN để thực hiện CNH, HĐH, chưa quan tâm đến các yếu tố thuộc về xã hội, dịch vụ, tính toàn cầu hoá và tính bền vững.

Gần đây nhất, tại Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã bổ sung CNH, HĐH lên một tầm rộng và sâu mới, mang tính dự báo và bền vững hơn so với giai đoạn trước: “CNH, HĐH đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng KH-CN, đổi mới sáng tạo” (Nghị quyết số 29-NQ/TW). Nội hàm của quan niệm này bao gồm cả về nền kinh tế và sự chuyển biến của đời sống xã hội dưới tác động của CNH, HĐH, dựa vào cả công nghiệp và dịch vụ.

Với góc nhìn tổng thể về phát triển đô thị, tiến trình CNH, HĐH trên thế giới đã trải qua một quá trình lâu dài và bao giờ cũng đồng bộ với quá trình đô thị hoá. Có thể nói, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là điểm “nút”, tạo sức bật mạnh mẽ đối với quá trình đô thị hoá. Nền kinh tế dựa trên sản xuất nông nghiệp truyền thống hàng thế kỷ đã lần đầu tiên nhường lối cho sự phát triển của các nhà máy, phân xưởng, khu công nghiệp... tại các đô thị lớn, đánh dấu sự khởi đầu cho một kỷ nguyên công nghiệp hiện đại. Từ đó, một loạt lý luận về quy hoạch và phát triển đô thị cả về mặt xã hội học cũng thay đổi, đáp ứng phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp mới. Như vậy, CNH, HĐH là một quá trình sử dụng các thành tựu của nền công nghiệp tiên tiến do máy móc và khoa học kỹ thuật, tiến bộ công nghệ mang lại để chuyển biến toàn diện, sâu sắc của toàn bộ đời sống vật chất của xã hội theo hướng thịnh vượng, giàu có và văn minh hơn trước. Kết quả này sẽ làm thay đổi diện mạo đời sống tinh thần của xã hội theo hướng phong phú hơn, bảo vệ được giá trị truyền thống của mỗi dân tộc, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa và bảo đảm không làm phương hại đến thế hệ mai sau.

Hiện nay, có nhiều quan niệm về “Đô thị thông minh”, “smart cities”. Theo Oxford Reference online, A Dictionary of Business and Management in India, đô thị thông minh được định nghĩa là những thành phố được xây dựng bao quanh bởi kỹ thuật công nghệ thông tin tiên tiến (ICT) và có những nguồn lực xã hội để gia tăng chất lượng, hiệu quả của cuộc sống đô thị theo hướng bền vững. Đô thị thông minh được khác hoá bởi hệ thống hạ tầng vật chất được sử dụng hiệu quả (hệ thống giao thông, công trình...); có cách quản trị mở, thông suốt và có sự tham gia của nhiều phía; có khả năng học và thích ứng với biến đổi môi trường. Bên cạnh đó,

A Dictionary of Construction, Surveying and Civil Engineering (2ed.), thuật ngữ “đô thị thông minh” định nghĩa “smart cities” còn được hiểu là một khu vực đô thị mà trong đó có các dữ liệu tiện ích được số hoá nhằm quản lý và tối ưu cho việc xây dựng môi trường phát triển bền vững một cách hiệu quả. A Dictionary of Geography (6ed.) lại làm rõ về mục tiêu của đô thị thông minh đó là nâng cao hiệu suất, tối ưu các nguồn lực, giảm chất thải, chi phí và sự tiêu thụ, gia tăng chất lượng sống của người dân. Tất cả những mục tiêu trên sẽ được hỗ trợ bởi các thành tựu công nghệ thông tin tiên tiến.

Theo European Commission, “smart cities”, “đô thị thông minh” là những thành phố sử dụng các giải pháp kỹ thuật để cải thiện công tác quản lý đô thị và sự hiệu quả của môi trường. Một đô thị thông minh là nơi mà những mạng lưới kỹ thuật và những dịch vụ truyền thông được phát triển hiệu quả hơn cùng với việc sử dụng những giải pháp số phục vụ lợi ích người dân và việc kinh doanh. Nó sử dụng kỹ thuật số nhiều hơn nhằm tối ưu hoá các nguồn lực và giảm thiểu sự hao phí, thất thoát trong quá trình vận hành. Điều này có nghĩa là mạng lưới giao thông đô thị sẽ thông minh hơn, những cơ sở xử lý nước thải và cung cấp nước sạch được nâng cấp và nhiều tiện ích khác sẽ giúp các công trình đô thị tận dụng được ánh sáng và nhiệt độ một cách hiệu quả hơn; giúp cho công tác quản lý đô thị được đáp ứng nhanh chóng hơn, tạo lập được nhiều khoảng không gian công cộng hơn và đáp ứng nhu cầu của bộ phận dân số lớn tuổi.

Như vậy, các khái niệm “smart cities”, “đô thị thông minh” hiện nay chủ yếu tập trung vào việc đô thị dựa hoàn toàn vào phần “cứng” là hệ thống kỹ thuật số, hạ tầng kỹ thuật đô thị hiện đại để tái tạo nguồn năng lượng, nguồn lực vận hành và phục vụ việc quản lý đô thị hiệu quả, nhanh chóng. Đối với Việt Nam, việc xây dựng đô thị thông minh trước tiên là tiếp thu các nội dung phù hợp của các quốc gia tiên tiến đã đi trước về xây dựng hạ tầng kỹ thuật điều hành thông minh cho đô thị. Tuy nhiên, việc xây dựng đô thị thông minh theo tác giả cần quan tâm đến việc xây dựng cả về phần “hòn”, đó là tinh thần, bản sắc văn hoá của đô thị đó, phải đồng bộ với phần “cứng”, từ đó kết hợp định hướng chính trị về CNH, HĐH của Đảng Cộng sản Việt Nam là “... xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; “lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyên dịch cơ cấu lao

động” (Nghị quyết số 29-NQ/TW).

4.3. Mối quan hệ giữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá với xây dựng đô thị thông minh

Thứ nhất, CNH, HĐH quyết định sự phát triển đô thị thông minh

Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, dưới tác động của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng KHCN, đổi mới sáng tạo, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, trở thành nước có thu nhập trung bình. CNH, HĐH đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nước ta đạt mức cao liên tục trong nhiều năm, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyên dịch tích cực. Đây chính là điều kiện vật chất của xã hội quyết định việc xây dựng và phát triển các mô hình đô thị thông minh tại một số thành phố ở Việt Nam. Các điều kiện ấy có thể kể như sau:

Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng: Đến cuối năm 2020, hệ thống đô thị nước ta đã có 862 đô thị các loại, phân bố tương đối đồng đều trong cả nước. Tỷ lệ đô thị hoá xác định theo địa bàn có chức năng đô thị đã tăng từ 30,5% năm 2010 lên gần 40% năm 2020, tiến đến đạt 45% vào năm 2030. Không gian đô thị được mở rộng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng KT-XH được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn; chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao. Đô thị hoá và phát triển đô thị trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển KT-XH. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng ở mức cao, đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo; KHCN; giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn, nhất là tại Thủ đô Hà Nội và TP.HCM (Nghị quyết số 06-NQ/TW).

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam vào khoảng 5,7% GDP trong những năm gần đây, mức cao nhất trong số các quốc gia Đông Nam Á và chỉ thấp hơn con số 6,8% của Trung Quốc, Indonesia và Philippines dành ít hơn 3%, trong khi Malaysia và Thái Lan chỉ chưa tới 2%.

Về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ: Công nghiệp là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các ngành kinh tế quốc dân với đóng góp xấp xỉ 30% vào GDP và trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của đất nước, góp phần đưa Việt Nam từ vị trí thứ 50 (năm 2010) lên vị trí thứ 22 (năm 2019) trong các quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới. Công nghiệp đã hình thành được một số ngành chủ lực như khai thác, chế biến dầu khí; điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; luyện kim, sắt thép; xi măng và vật liệu xây dựng; dệt may, da giày; cơ khí chế biến chế tạo, ô tô, xe máy..., tạo nền tảng quan trọng

cho tăng trưởng dài hạn, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước; trong đó, ngành công nghiệp chế biến với mức đóng góp trong GDP tăng từ 13% năm 2010 lên 16,7% năm 2020 (Thành, 2023). Đối với nông nghiệp, việc tổ chức thực hiện chuyển đổi mạnh từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang hợp tác, phát triển đa ngành; thúc đẩy tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông lâm thủy sản; chuyển từ chuỗi cung ứng nông sản sang phát triển các chuỗi ngành hàng theo đúng định hướng tại Nghị quyết “Tam nông” và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững;... toàn ngành đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Giá trị gia tăng toàn ngành (GDP) tăng cao, ước đạt 3,83%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2003 đến nay (Hương, 2023). Riêng khu vực dịch vụ các lĩnh vực, đã hình thành một số ngành dịch vụ có hàm lượng KHCN cao như thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, thanh toán không dùng tiền mặt góp phần minh bạch hóa thu nhập, hạn chế tiêu cực, tham nhũng; kinh tế chia sẻ và kinh tế tuần hoàn dần thay đổi thói quen của người dân; giáo dục số phát triển với nhiều hình thức học, thi trực tuyến, đẩy mạnh khai thác kho học liệu số...; du lịch dân chuyển dịch sang du lịch thông minh, du lịch xanh, chú trọng bảo tồn di sản văn hóa, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Tỷ trọng của khu vực dịch vụ tăng dần qua các năm, chiếm 41,33% GDP năm 2022 (Vân, 2023).

Về phát triển văn hoá, xã hội: Lĩnh vực văn hoá vừa qua được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, đầu tư từ bồi dưỡng tư tưởng, nâng cao nhận thức, tri thức, giá trị và phát triển các kỹ năng của con người; đầu tư cho hoạt động thể dục thể thao, hoạt động y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân; đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc, xây dựng thiết chế văn hóa các cấp, xây dựng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, hoạt động các bộ môn văn hóa nghệ thuật,... cho đến các lĩnh vực an sinh xã hội. Thời gian qua, Nhà nước đã dành nguồn lực nhất định từ ngân sách nhà nước để tập trung đầu tư phát triển văn hóa, phát triển con người cả từ trung ương đến địa phương với mức đầu tư được xác định khoảng 1,6-1,7% so tổng đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước và tăng dần theo từng giai đoạn. Về lĩnh vực xã hội, việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong đời sống xã hội của người dân thể hiện ở các cơ hội tiếp cận, an sinh xã hội, các điều kiện bảo đảm việc làm, thu nhập, mức sống, học tập, phòng ngừa bệnh tật, hưởng thụ văn hóa, phát triển con người, môi trường sinh thái,... ngày càng được cải thiện, cụ thể ở các chính sách như chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo, chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp, chính

sách trợ giúp xã hội, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản. Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2020 đạt 0,706, có sự cải thiện trong bảng xếp hạng của Liên hợp quốc (từ vị trí 128/187 năm 2011 lên vị trí 117 năm 2019). Môi trường sinh thái được cải thiện. Có thể nói, những thành tựu này đã đem lại niềm tin và cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho người dân, khẳng định tính ưu việt của chế độ ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước (Giang, 2022).

Thứ hai, đô thị thông minh tác động đến hoàn thiện sự nghiệp CNH, HĐH đất nước

Bên cạnh đó, các nội dung, công việc, nhiệm vụ của đô thị thông minh sẽ tác động góp phần hoàn thành kết quả hoàn thiện sự nghiệp CNH, HĐH thể hiện rõ nét ở các điểm sau (Quyết định số 950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ):

Áp dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sử dụng các phương tiện hỗ trợ công nghệ thông tin truyền thông (ICT) và các phương tiện khác góp phần thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh, đổi mới, sáng tạo, minh bạch, tinh gọn, hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, năng lượng và các nguồn lực phát triển, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị, kích thích tăng trưởng và phát triển KT-XH. Điều này sẽ tạo nguồn lực trực tiếp về kinh tế, tài nguyên, vật chất, sản phẩm làm giàu đất nước, là kết quả bề nổi rõ nét của tiến trình công nghiệp hoá mang lại.

Đô thị thông minh lấy người dân làm trung tâm để xây dựng chính quyền thông minh và công dân thông minh, hướng tới mục tiêu để mọi thành phần trong xã hội có thể được thụ hưởng lợi ích, tham gia đầu tư xây dựng và giám sát, quản lý đô thị thông minh, góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và các Mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam. Đây chính là một thành phần quan trọng để thực hiện công cuộc hiện đại hoá, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Đô thị thông minh không chỉ giúp thay đổi về mặt diện mạo đô thị mà nó còn có tiêu chí đánh giá sự phát triển của xã hội, đặc biệt nhất là con người về sự hiểu biết, tri thức và sáng tạo văn minh.

5. Thảo luận

Một là, việc xây dựng cơ sở dữ liệu nền (big data) không chỉ tập trung dữ liệu quốc gia về dân cư, cư trú, bản đồ, hạ tầng thông tin... như hiện nay còn phải bao gồm tất cả các dữ liệu vụn vặt, sức khoẻ, kinh tế, thương mại, tài chính, cư trú, năng lượng, chất thải, văn hoá - xã hội, vận chuyển, an ninh mạng, an toàn công cộng, cơ sở hạ tầng đô thị, kiến trúc, cử chỉ, hành vi... của con người và đô thị.

Kế tiếp, phân chia công bằng việc tiếp cận dữ liệu mở về kinh tế, đầu tư của các lĩnh vực nhằm động viên sự hợp tác công tư giữa khu vực Nhà nước

và khu vực tư nhân đối với các dự án cộng đồng. Chúng ta cứ tưởng tượng xem, nếu như dữ liệu sức khỏe người dân được tích hợp và đồng bộ với mọi cơ sở y tế, việc chuyên viên không phải xếp hàng chờ với biết bao giấy tờ mà chỉ cần một click trên điện thoại; người dân khi ngã trong công viên có thể kêu với thiết bị trợ giúp gần đó để có nhân viên hỗ trợ. Xây dựng một phần mềm trên điện thoại thông minh để tùy mỗi độ tuổi, sở thích cá nhân, người dân được thông báo cuối tuần sẽ có các sự kiện văn hoá, nghệ thuật diễn ra ở các điểm của thành phố và cả việc giảm giá, họ sẽ có cơ hội lựa chọn địa điểm nào gần nhà để cùng với gia đình tham gia, doanh nghiệp cũng được lợi vì bán hết vé, Nhà nước lại có thêm tiền thuế. Vận động người dân, đội ngũ công chức cùng cung cấp thông tin các vị trí thường xuyên xảy ra các vụ cướp giật, tai nạn giao thông, nơi thiếu ánh sáng để phân tích hành vi tội phạm và đề xuất giải pháp giảm thiểu cho người dân, kể cả tích hợp dữ liệu về người vừa chấp hành án tù (liên quan đến quấy rối tình dục, hiếp dâm...) để ngăn ngừa điều kiện phạm tội mới cho thể xảy ra. Với dữ liệu mở này, khối tư nhân sẽ có cơ hội tìm kiếm cơ hội đầu tư, lợi nhuận khi đồng hành cùng chính quyền một cách công bằng, bình đẳng. Chính sự gắn kết quyền lợi này sẽ là động lực vô cùng to lớn để xây dựng đô thị thông minh. Với nguồn dữ liệu đi từ Người dân, chính quyền sẽ lắng nghe và kiến thiết đô thị theo chiều ngược lại để xây dựng các mô hình, công trình, dự án phù hợp cho chính từng nhóm người thay vì cứ giữ nếp tư duy là dự án cho mọi người và ai cũng như ai và điều đó có lợi cho mọi người cả. Thực tế cho thấy, ví dụ tư duy làm cầu Chà Và (Quận 8) cũng như nhiều cầu vượt khác trong thành phố và nghĩ là mọi người ai cũng hưởng lợi. Nhưng trong thực tế, các công trình dọc hai bên gầm cầu sau khi công trình hoàn thành thì hầu như kinh doanh trì trệ, thua lỗ triền miên và dẫn đến đóng cửa vì cầu băng qua nhóm công trình này làm che khuất mặt đứng cửa hàng, khu vực lại càng vắng vẻ lại làm tăng mỗi nguy cơ tội phạm khi về đêm.

Hai là, cần xây dựng một phần mềm dễ sử dụng đảm bảo cho việc thực hiện dân chủ ngày càng mở rộng trên cơ sở định nghĩa đô thị thông minh cần bao gồm luôn cả chính quyền thông minh và công dân thông minh.

Kỳ diệu thay, ta thấy chính Zalo, Facebook hoặc Twitter có thể đóng vai trò thay thế hoặc bổ sung vào một số phương diện của nền dân chủ truyền thống. Nó không những đơn thuần đem lại cơ hội cho người dân tham gia cùng chính quyền quyết định những vấn đề liên quan đến cuộc sống của chính họ, nó còn tạo nên một hệ sinh thái hợp tác để sáng tạo tính dân chủ, sự hạnh phúc trong thời đại kỹ thuật số. Nền dân chủ hiện đại cần một nền tảng kỹ thuật số công cộng cho người dân được gửi

ý kiến, theo dõi những dự án, những vấn đề xã hội đang diễn ra và những đề xuất được gửi trực tuyến hoặc được trình bày trực tiếp trong những cuộc họp của chính quyền đô thị. Thậm chí, người dân có thể thực hiện khảo sát, đề xuất triệu tập các cuộc họp công và tham gia thảo luận xem các đề xuất đó có phải là giải pháp thoả đáng đối với các nhu cầu đã xác định hay không. Việc này không đòi hỏi người dân ủng hộ nhiều nhất. Đô thị thông minh sẽ làm thay đổi căn bản mô hình dân chủ đại nghị hiện nay tỏ ra vốn dĩ rất ưu việt từ sau Cách mạng Pháp (Té., & Dong, 2002). Trong thực tế, người dân thường không có cơ hội tham dự các cuộc họp của chính quyền các cấp nên họ cử những đại diện thông qua bầu cử mà phần lớn họ đều không nhớ tên. Dân chủ không chỉ là chuyện đi bầu cử năm năm một lần và trao quyền dân chủ của mình vào tay người khác. Còn việc thực hiện quyền dân chủ trực tiếp tại cơ sở đối với người dân hầu như rất nhàm chán khi phải dự những buổi họp tổ dân phố dài lê thê, việc phản ánh trực tiếp với bộ máy chính quyền công kênh địa phương đôi khi thật sự cũng khó khăn. Thông thường, người dân chỉ vào trang website của chính quyền khi họ cần tìm thông tin hữu ích hoặc hoàn thành thủ tục hành chính nào đó cho họ và họ muốn thật nhanh chóng, tiện dụng; họ không cần quan tâm một cơ cấu ban bộ quan chức hay các phong trào ban ngành, cuộc vận động nào đó.

Ba là, xây dựng đường lối chiến lược tiến hoá cho đô thị thông minh tại TP.HCM theo hướng lấy người dân làm trung tâm để phát triển

Thực hiện các giải pháp phù hợp với nhu cầu và ưu tiên của chính cộng đồng, đảm bảo đúng bản chất Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trước hết, cần xây dựng cho được niềm tin hợp tác giữa chính quyền, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và cư dân TP.HCM. Tiếp theo, đề xuất chuyển thay đổi tư duy từ việc đưa các chỉ đạo, đường lối, quy hoạch của chính quyền theo kiểu từ trên xuống dưới rất dễ sai lầm, lãng phí và rơi vào lợi ích một số nhóm doanh nghiệp thành ưu tiên xuất phát kết quả khoa học nghiên cứu cử chỉ, hành vi, các nguyện vọng của người dân làm căn cứ thực hiện. Giảm chi phí tối đa cho nguồn nhân lực của hệ thống chính trị hiện thời và thay thế bằng nền chính trị công nghệ, các dịch vụ chính quyền cần thân thiện với người dùng hơn và mang tính trực giác cao hơn, chú trọng; đảm bảo đưa người dân vào cùng phía với chính quyền và để những ý tưởng của họ lam toả và nổi bật; phân tích những sai lầm và thoả mái chấp nhận cái sai; lấy công nghệ làm công cụ mang con người lại với nhau và cải tiến nhờ lợi thế đám đông. Chuẩn bị các phương án giải quyết vấn đề lao động bị đào thải

do áp dụng KHCN cảm biến, xử lý và tự động hoá.

Đô thị Sài Gòn được hình thành và phát triển trên 300 năm, trong đó với hơn 40 năm mang tên Bác, đã khẳng định sự lớn mạnh, năng động qua những bước thăng trầm của lịch sử. Từ sau 1975 đến nay, những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc chưa được giải quyết dứt điểm thì nhiều khó khăn, thách thức mới phát sinh, trở thành điểm nghẽn cản trở sự phát triển của Thành phố.

Chính vì lẽ đó, quan điểm CNH, HĐH tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TP.HCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã đề ra cho Thành phố một trong những nhiệm vụ: “Phát triển đô thị TP.HCM theo hướng đa trung tâm, kết nối vùng, đô thị xanh, đô thị thông minh, phát triển hài hoà giữa nông thôn và đô thị. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; kết hợp đồng bộ giữa cải tạo, chỉnh trang đô thị với phát triển đô thị mới, bảo đảm kiến trúc hài hoà, giữ gìn và phát huy các yếu tố văn hoá đặc trưng; tổ chức lại đời sống dân cư nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống trong quá trình cải tạo, chỉnh trang, phát triển đô thị”.

6. Kết luận

Ta vẫn phải thừa nhận, việc xây dựng đô thị thông minh gắn với CNH, HĐH tại TP.HCM thực chất không phải là một phương thuốc thần dược trị bách bệnh các vấn nạn xã hội của đô thị. Thành phố vẫn sẽ có những người vô gia cư, người thất nghiệp đến từ các địa phương lân cận, khả năng khoảng cách giàu - nghèo ngày càng tăng với sự phân tầng rõ rệt giữa khu nhà nghèo và những khu nhà giàu,

nạn thất nghiệp sẽ phát sinh do hệ quả vấn đề lao động bị đào thải, kê cả phải chấp nhận việc giảm nguồn nhân lực thuộc hệ thống chính trị; tội phạm, tệ nạn sẽ biến tướng thành nhiều hình thức mới. Chính quyền vẫn phải chấp nhận giải pháp đô thị thông minh sẽ tiết kiệm khá nhiều chi phí bằng cách thu hẹp hoặc loại bỏ nhóm công việc giản đơn, lặp đi lặp lại. Khoản chi phí này sẽ được tái đầu tư cho KHCN, nguồn nhân lực đối với các hạng mục mà máy móc chưa làm được, công tác tuyên truyền vận động truyền thống của hệ thống chính trị... Chắc chắn rằng, đô thị thông minh tự bản thân nó cũng sẽ tạo ra đủ công việc mới để bù lại số công việc giản đơn bị mất do quá trình tự động hoá, áp dụng trí tuệ nhân tạo, KHCN. Vấn đề là vai trò của Chính quyền, doanh nghiệp ở giai đoạn đầu để giải quyết việc sẽ có hàng triệu lao động thất nghiệp, khó có khả năng gia nhập vào nền kinh tế hiện đại, để họ sinh tồn, có đủ miếng ăn mà không trở thành tội phạm; hơn thế nữa làm sao cho họ cảm thấy hạnh phúc nơi mà cha ông họ từng sinh sống.

Tóm lại, việc xây dựng đô thị thông minh tại TP.HCM cũng sẽ không có ý nghĩa nếu ta đi chệch hướng không lấy Người dân làm trung tâm, chệch hướng xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội cùng với tám đặc trưng, nếu có ngày càng nhiều người đói nghèo, người vô gia cư phải sống lay lắt nhờ trợ cấp xã hội, học sinh sinh viên khó khăn trong tiếp cận các điều kiện học hành... CNH, HĐH gắn việc xây dựng đô thị thông minh tại TP.HCM là điều hiển nhiên, là bước tiến phát triển tất yếu của xã hội, nhằm đảm bảo cư dân Thành phố có được cuộc sống ấm no, vui vẻ và hạnh phúc, đây chính là tương lai hiện ta đang vươn đến.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh. (2022). *Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/8/2022 về đẩy mạnh công tác chuyên đổi số và xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh*.
- Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh. (2023). *Chương trình hành động số 36-CTrHĐ/TU ngày 25/3/2023 thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Chính trị (khóa V). (1982). *Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 14/9/1982 về Công tác của Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Bộ Chính trị (Khóa IX). (2002). *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18/11/2002 về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010*.
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- Bộ Chính trị. (2022a). *Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Chính trị. (2022b). *Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Giang, M. T. H. (2022). *Quản lý phát triển xã hội gắn với thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay*. Tạp chí điện tử Cộng sản, ngày 27/11/2022.
- Hương, Đ. (2023). *Ngành nông nghiệp tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua*. Báo điện tử Chính phủ, ngày 29/12/2023.

- Ký, T. V. (1885). *Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận*. Nguyễn Đình Đầu (1997) lược dịch và chú giải. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
- Lộc, C., & Thảo, P. (2013). *Kỷ niệm 84 năm thành lập An Nam Cộng sản Đảng (9/1929-9/2013)*. Trang thông tin điện tử Báo tàng lịch sử Quốc gia, ngày 30/9/2013.
- Minh, P. H. (2011). *Kỷ bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội*. Báo Nhân dân điện tử, ngày 12/12/2011.
- Tế, N. X., & Dong, T. T. T. (2002). *Tổ chức bộ máy Cộng hoà Pháp theo Hiến pháp năm 1958*. Tạp chí điện tử Nghiên cứu Lập pháp, ngày 01/06/2002.
- Thành, H. V. (2023). *Phát triển công nghiệp Việt Nam trong thời kỳ mới: Thực trạng và một số giải pháp*. Tạp chí Công thương điện tử, ngày 18/04/2023.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (1998). *Sài Gòn 1698-1998: Kiến trúc và Quy hoạch*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2017). *Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 về phê duyệt Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2020a). *Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2020b). *Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2021). *Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 về phê duyệt Chương trình triển khai Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh đến năm 2025*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). *Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ và kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2023a). *Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về phê duyệt Chiến lược quản trị dữ liệu của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2023b). *Kế hoạch số 3131/KH-UBND ngày 07/07/2023 về hành động triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2023c). *Kế hoạch số 2649 /KH-UBND ngày 16/6/2023 về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.

CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tấn Vĩnh Nam

Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Email: nguyentanvinhnam@gmail.com

Nhận bài: 10/5/2024; Phản biện: 20/5/2024; Tác giả sửa: 23/5/2024; Duyệt đăng: 28/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/necd/308>

Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục được xây dựng với mục tiêu đổi mới, phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập nền kinh tế khu vực và quốc tế. Có nhiều thuận lợi và cơ hội lớn, Thành phố cũng đã bị ảnh hưởng bởi một số khó khăn và thử thách đến từ những cường quốc xung đột, biến đổi khí hậu, dịch Covid-19 và cách mạng công nghệ 4.0... Do đó, quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở Thành phố này cần được thực hiện trong thời gian dài, xây dựng Thành phố thông minh với xử lý tái tạo đô thị, ngoài ra, con người được đặt ở trung tâm.

Từ khóa: Công nghiệp hoá và hiện đại hoá; Thành phố thông minh; Tái tạo đô thị; Người dân.